

Số: 18 /TM - BVUB

Bắc Giang, ngày 20 tháng 10 năm 2022

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH 13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp;

Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Bắc Giang có kế hoạch thực hiện mua sắm gói thầu: Mua vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế sử dụng 12 tháng của Bệnh viện Ung bướu Bắc Giang. Yêu cầu phạm vi cung cấp hàng hóa chi tiết tại **Phụ lục 01** kèm theo.

Kính đề nghị các Công ty/ Đơn vị quan tâm và có đủ kinh nghiệm, năng lực, điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật, gửi bản Báo giá theo mẫu tại **Phụ lục 02** để Bệnh viện có căn cứ xây dựng dự toán của gói thầu.

Báo giá gửi về trước 9h00p ngày 28 tháng 10 năm 2022.

Địa điểm tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư - TBYT, Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang. Xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. SĐT: 0204.3666 222.

Người tiếp nhận: Hà Thị Thùy; Cán bộ phòng Vật tư – TBYT

Điện thoại: 0948 695 678.

Địa chỉ nhận bản điện tử: Bvubuou@bacgiang.gov.vn.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HSĐT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Danh Song

Phụ lục 01:

(Kèm theo thư mời số 18 /TM - BVUB ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang)

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Vật tư y tế				
1	Băng gạc đắp vết thương	Kích thước 8x15cm, đã được tiệt trùng bằng khí EO. Sản phẩm được làm từ vải không dệt mềm mại, gạc ở giữa thấm hút dịch tốt.	Miếng	50.000	
2	Bộ bơm tiêm sử dụng 1 lần dùng cho máy bơm tiêm điện	Dung tích: 200ml. Cấu tạo: Bơm tiêm với ống hút và dây xoắn dài 150cm. Đã khử trùng. Vật liệu cao su tổng hợp PVC. Sử dụng tương thích cho máy bơm tiêm cân quang 1 nòng CT9000ADV/OPTIONE	Bộ	1.000	
3	Bơm cho ăn	Bằng nhựa, dung tích 50 ml, đốc xi lanh nắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy, pit tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	cái	2.000	
4	Bơm tiêm liền kim dùng một lần	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số, pit tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng	cái	2.000	
5	Casstte nhựa	Bằng nhựa acetylic, có nắp dùng 1 lần. Kích thước: 40x26x7 mm, Kích thước bên trong: 32x26x5 mm.	Chiếc	24.000	
6	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan chậm đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate, kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Số 3/0	Sợi	360	
7	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan chậm đơn sợi	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate, kim làm bằng thép không gỉ phủ silicone. Số 4/0	Sợi	360	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Dao siêu âm mổ mở cán dài	Tay (lưỡi) dao siêu âm mổ mở , đầu dao cong, dài 16mm, chiều dài cán 17cm	cái	12	
9	Dao siêu âm mổ mở cán ngắn	Tay (lưỡi) dao siêu âm mổ mở, đầu dao cong, dài 16mm, chiều dài cán 9cm	cái	36	
10	Dao siêu âm mổ nội soi	Dao siêu âm mổ nội soi có công nghệ thích ứng mô ATT, chiều dài cán 36cm, đường kính cán 5mm	cái	12	
11	Dây cho ăn (Sonde dạ dày)	Số 6,8, 10, 12, 14, 16, 18,20. Độ dài ống tối thiểu 50cm. Chất liệu nhựa PVC y tế	cái	1.000	
12	Dây dao dùng cho dao siêu âm mổ mở	Chuyển dao động 55.500 lần/giây, số lần sử dụng ≥ 100 lần	cái	4	
13	Dây dao dùng cho dao siêu âm mổ nội soi	Chuyển dao động 55.500 lần/giây, số lần sử dụng ≥ 95 lần	cái	4	
14	Dây dao mổ điện	Đầu cầm loại 3 chân lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, lưỡi dao có thể tháo rời	cái	1.000	
15	Dây dẫn kim đốt sóng cao tần	Dây dẫn truyền sóng vi ba tương thích cho máy vi sóng của hãng Medwaves	Chiếc	10	
16	Dây thở oxy 2 nhánh	Các cỡ XS, S, M, L, chiều dài 2,2m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC y tế	cái	4.000	
17	Filter lọc khuẩn dùng cho máy thở	Filter lọc khuẩn dùng cho máy thở, dùng lọc vi khuẩn, virus giữ ẩm và tạo ẩm	cái	900	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
18	Gạc phẫu thuật ổ bụng	kích thước: 30cmx40cmx6 lớp đã tiệt trùng. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton	Miếng	8.000	
19	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Găng tay có bột. làm từ cao su tự nhiên. Độ dài tối thiểu 240mm. Độ rộng lòng găng tay : 70- 120. Độ dày ngón tay tối thiểu 0.17mm. Độ dày lòng găng tay tối thiểu 0.08mm.. Đã được tiệt trùng. Các số	đôi	30.000	
20	Găng tay sử dụng trong thăm khám	Găng tay có bột. làm từ cao su tự nhiên. Độ dài tối thiểu 240mm. Độ rộng lòng găng tay : 70- 120. Độ dày ngón tay tối thiểu 0.17mm. Độ dày lòng găng tay tối thiểu 0.08mm. Các số	đôi	296.000	
21	Gel dùng trong nội soi	TETRASODIUM EDTA 0.021% DISODIUM PHOSPHATE 0.045% PROPYLENE GLYCOL 3.75% PROPYL PARABEN 0.04% METHYL PARABEN 0.1% WATER 81.786% GLYCERIN 11.25% NATRASOL 2.133% SODIUM PHOSPHATE 0.875%	Tuýp	500	
22	Giấy in đen trắng của máy siêu âm	Kích thước: 110mm x 20m /cuộn. Sử dụng trên các máy in kết quả siêu âm Sony. Giấy làm từ bột giấy, không chứa clo & cacbon, giấy 5 lớp, bóng, kháng nước cao, bền màu, in rõ nét. In lưới hết cỡ giấy	Cuộn	1.500	
23	Giấy in máy điện tim	Giấy in điện tim 6 cân tập không dòng kẻ. Kích thước 110mm x 140mm x 143 tờ	tập	800	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
24	Kim lấy máu, lấy thuốc	Số 18G, 20G, 23G, 25G. Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim	cái	120.000	
25	Kim chọc dò và gây tê tủy sống	Kim gây tê tủy sống có 3 mặt vát sắc. Chuôi kim trong suốt + Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuôi kim. Que thông nòng có màu theo quy ước. G18, G20, G22, G25, G27.	cái	500	
26	Kim đốt sóng cao tần cỡ mini	- Kim đốt có chiều dài 10cm hoặc 15cm, đường kính 16G loại dùng cho vi sóng - Vùng đốt từ 1 cm đến 1,5 cm cho 1 chu trình đốt. - Có cảm biến nhiệt độ ở đầu kim; - Thời gian đốt của một chu trình từ 1 phút đến 3 phút; - Nhiệt độ đốt tối đa 80°C	Hộp 1 cái	35	
27	Kim đốt sóng cao tần cỡ nhỏ	- Kim đốt có chiều dài 10cm hoặc 15 cm có đường kính 16G loại dùng cho vi sóng - Vùng đốt từ 1,5 cm đến 3 cm cho 1 chu trình đốt. - Có cảm biến nhiệt độ ở đầu kim; - Thời gian đốt của một chu trình từ 3 phút đến 7,5 phút; - Nhiệt độ đốt tối đa 110°C	Hộp 1 cái	15	
28	Kim khâu phẫu thuật	Các cỡ, chất liệu bằng thép không gỉ	cái	100	
29	Kim sinh thiết	Kim cấu tạo gồm 3 bộ phận: 01 kim dẫn đường; 01 kim sinh thiết; 01 khóa an toàn. Kim dẫn đường có đầu dạng vát kim cương. Kim sinh thiết có tay cầm hình cánh bướm cuối tay cầm là điểm bắn sinh thiết hoặc lựa chọn vừa sinh thiết vừa có lỗ hút và dẫn dịch, thân kim có vạch chia (1cm/vạch), có 02 nấc cho chức năng lấy mẫu 11mm và 22mm, có thể sử dụng kim	Cái	300	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		dưới siêu âm và CT. Số 16G, 18G độ dài kim:13cm đến 16 cm			
30	Lam kính mài	Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") ±1mm. Mài mờ 1 đầu. Bề mặt phẳng, không mốc.	Cái	34.000	
31	Lam nhuộm hóa mô miễn dịch	Kích thước 75 x 25 x 1 mm. Hộp 500 cái	cái	1000	
32	Lamen	*Để sử dụng trong máy phủ. *Làm bằng thủy tinh borosilicat trắng tinh khiết. *Độ dày: 0,95 - 1,05 mm. *Kích thước: 24x40 mm	Cái	22.000	
33	Lamen	Kích thước 24x50mm	Cái	20.000	
34	Lưỡi dao cắt tiêu bản	Chất liệu thép không gỉ.Kích thước : 80x8x0,25 mm, góc nghiêng 35 độ	Cái	2.000	
35	Mask chạy máy khí dung	Các cỡ, dây dẫn chính có chiều dài ≥2m	Chiếc	100	
36	Mask thở oxy	Các cỡ, dây dẫn chính có chiều dài ≥2m	cái	200	
37	Mũ phẫu thuật	Vải không dệt polypropylen ca. Đóng gói 100 cái/gói.Trọng lượng : 2.9g – 3.8g/ 1cái	cái	5.000	
38	Ống nghiệm có chất chống đông EDTA	Thể tích 1.8;2ml nắp cao su, vật liệu nhựa PET	cái	60.000	
39	Ống nghiệm máu chứa chất chống đông Heparine lithium	Dung tích 2ml	cái	60.000	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
40	Ống nghiệm nhựa PS có nắp	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP/PS, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, có nhãn . 1ml, 2ml, 3ml, 4ml, 5ml	cái	6.500	
41	Ống dẫn lưu ổ bụng	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên	cái	600	
42	Ống li tâm máu eppendolt	nắp đạt độ kín cao, nguyên liệu nhựa PP, trong suốt, có chia vạch	cái	1.500	
43	Sonde Foley	2 nhánh số 12; 14; 16; 18; 22; 24. Chất liệu cao su y tế, tráng silicon trong lòng	cái	1.000	
44	Sonde Foley	3 nhánh số 16; 18; 20; 22; 24 Bóng hãm (Cuff) đàn hồi tốt, an toàn, bóng căng đều, không bị vỡ, bị dính khi đặt lâu, chất liệu cao su y tế, tráng silicon trong lòng	cái	120	
45	Tấm lót chuyển bệnh phẩm	Miếng lót màu xanh, chống hóa chất và không thấm nước dùng để bọc mẫu nội soi, sinh thiết nhỏ tránh bị mất mẫu trong quá trình chuyển mẫu. Kích thước 30x25x1mm	Miếng	4.500	
46	Test đo vi khuẩn HP	"- Nhiệt độ bảo quản: < 30 độ - Trọng lượng: 13-14g - Kích thước: 115mm x 61mm x 45 x 10mm - Trên thẻ có chỉ thị màu (dùng để đánh giá lượng mẫu)	Test	400	
47	Túi bọc Camera nội soi	Thành phần gồm: 1.Ống nylon 18x230 cm, 01 Túi nylon 9x14 cm	cái	300	
	Tổng 47 danh mục				
II	Sinh phẩm y tế				
1	Test nhanh chẩn đoán HIV 1/2 3.0	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: $\geq 99.8\%$.	Test	4.800	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
2	Test nhanh chẩn đoán HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Độ nhạy: 96,2-100%, Độ đặc hiệu: 97,9-100%. Giới hạn phát hiện 1ng/ml. Không có phản ứng chéo với các mẫu chứa yếu tố dạng thấp, chứa kháng thể kháng HCV, kháng thể kháng HIV và phụ nữ mang thai. Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C	Test	5.600	
3	Test nhanh chẩn đoán HCV	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99.4%. Kit xét nghiệm ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C	Test	10.000	
4	Môi trường thạch nuôi cấy vi sinh vật	Để phát hiện nhanh sự hiện diện của vi khuẩn H. pylori trong mảnh sinh thiết dạ dày. Thành phần: Phenol red, Agar, Urea 40% Hộp 50 ống	Hộp	120	
	Tổng 04 danh mục				
III	Hóa chất sát khuẩn				
1	Hóa chất sát khuẩn	Nồng độ Clo hoạt tính $\geq 25\%$	Kg	1.000	
2	Cồn Ethanol	Ethanol 70%, màu trắng không màu	lít	2.200	
3	Cồn tuyệt đối	Ethanol 99%, trắng trong k màu	Lít	250	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Dung dịch Acid acetic	nồng độ 3%	chai	5	
5	Dung dịch Lugol	Thành phần: Iodine (0,33%), Potassium iodine (0,66%).	chai	5	
6	Nước cất 2 lần	Dung dịch trong suốt không màu, không mùi	lít	500	
7	Nước rửa Natriclorid	Trạng thái: lỏng, không lẫn tạp chất; không màu; vị hơi mặn, không có mùi vị lạ .nồng độ 0.9%.	chai	5.000	
8	Vôi soda	Dạng hạt. Hấp thụ cacbon dioxyd > 20%.	kg	90	
	Tổng 08 danh mục				
IV	Hóa chất dùng trong giải phẫu bệnh và Vi sinh				
1	Acid periodic	Dung dịch 1% dùng trong phản ứng oxi hóa các thành phần về aldehyde khi nhuộm với Schiff. Thành phần: Periodic acid <2%	Chai	10	
2	Bộ thuốc nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm soi nhuộm. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là: 1. Crystal Violet chai 250ml, 2. Lugol chai 250ml, 3. Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml	bộ	10	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		4. Safranin chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm (15-25°C) - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml			
3	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm soi nhuộm. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là 1. Carbol Fuchsin : 250ml, 2. Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) : 250ml 3. Methylene Blue : 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm (15-25°C) - Đóng gói: Bộ 3 chai x 250ml	bộ	10	
4	Dung dịch EA50	Dùng trong mô bệnh học Dung dịch hỗn hợp Papanicolaou EA50. Gồm: >= 80% - < 90% ethanol; >= 1% - < 3% acetic acid; >= 1% - < 3% propan-2-ol; >= 1% - < 3% methanol	lit	5	
5	Eosin	Dùng trong mô bệnh học. Gồm Eosin G or Y, >= 70% - < 80% ethanol; ethyl alcohol và >= 0.5% - < 1% acetic acid.	lit	23	
6	Formaldehyd trung tính	Dung dịch cố định mô có đậm trung tính, dùng cho xử lý mô nhuộm hóa mô miễn dịch, Formaldehyde là một chất khí không màu, có vị chua cay và tan trong nước, Dung dịch được hòa tan trong nước cất nước tỷ lệ 1:10. 10% formalin chỉ chứa 4% fomandehyde	lit	150	
7	Gel cắt lạnh	Dung dịch làm đông mẫu mô dùng trong cắt lạnh, dung dịch nhót, Màu sắc: trung tính, mùi: hơi còn, Hòa tan trong: nước và các chất cố định gốc nước, Nhiệt độ sôi: -100 ° C. Chai 100ml	Chai	12	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
8	Hematoxylin	Dùng nhuộm mô bệnh học. Bao gồm: $\geq 25\%$ - $< 30\%$ ethanediol; $\geq 3\%$ - $< 5\%$ ethanol; $\geq 1\%$ - $< 3\%$ acetic acid; $\geq 1\%$ - $< 3\%$ alluminum sulphate hexadecahydrate; $\geq 0.1\%$ - $< 0.25\%$ methanol.	lit	10	
9	Keo dán lam kính	Không chứa Xylol, không chứa toluen và các hydrocacbon thơm khác, Không độc hại, Không bị ảnh hưởng bởi nhiệt, ánh sáng, độ ẩm và tia UV, Không bị oxy hóa, phai màu hoặc ố vàng theo thời gian và không gây hiệu ứng loang màu, Bảo quản không giới hạn các chế phẩm mô học và tế bào học	Chai	12	
10	Nến hạt	Cấu tạo bởi các hydrocacbon rắn hỗn hợp, Ở dạng giọt màu trắng để dễ dàng phân phối và nấu chảy, Có sẵn ở hai điểm nóng chảy khác nhau: 52-54 ° C và 56-58 ° C để đáp ứng mọi nhu cầu của phòng thí nghiệm.	kg	120	
11	Thuốc thử Schiff	Thành phần: Hydrochloric acid $<5\%$; Sodium metabisulfite $<4\%$; C.I. Basic red 9 monohydrochloride $<1\%$	Chai	5	
12	Xy len	"- Tính chất vật lý: - Dung dịch lỏng, không màu, mùi Hydrocarbon - Công thức phân tử: 0,740 đến 0,76 ở 15,6 ° C - Điểm sôi và Phạm vi sôi: 137 C - 140 C - Điểm nóng chảy / Điểm đóng băng: -25 C - Điểm chớp cháy: 24 C - Trọng lượng riêng / Mật độ tương đối: 0.865- 0.875 - Tốc độ bay hơi: 0,8 (BuAc = 1) - Độ nhớt: $<0,9 \text{ mm}^2 / \text{s}$ - Nhiệt độ tự bốc cháy: 463 C	can	50	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Thành phần gồm có: - Xylenes (o-, m-, p- isomers): 80-95% - Ethylbenzene: 5-20%			
	Tổng 12 danh mục				
V	Hóa chất xét nghiệm hóa mô				
1	Bộ kit nhuộm Hóa mô miễn dịch	- EnVision™ FLEX Peroxidase-Blocking Reagent; 3 x 40 mL, ready-to-use; Dung dịch đệm Phosphate chứa hydrogen peroxide, 15 mmol/L NaN₃ và chất tẩy rửa. - EnVision™ FLEX /HRP; 3 x 40 mL, ready-to-use; Dextran kết hợp với các phân tử peroxidase và các phân tử kháng thể thứ cấp của dê kháng immunoglobulin thỏ và chuột. Trong dung dịch đệm chứa protein ổn định và chất bảo quản. - EnVision™ FLEX DAB+ Chromogen; 3 x 3 mL; 3,3'-diaminobenzidine tetrahydrochloride. Màu của hóa chất có thể thay đổi từ tím đậm sang không màu mà không thay đổi đến chất lượng kit. - EnVision™ FLEX Substrate Buffer; 12 x 20 mL; Dung dịch đệm chứa hydrogen peroxide và chất bảo quản. - EnVision™ FLEX Target Retrieval Solution, High pH (50x); 9 x 30 mL, 50x concentrated; Tris/EDTA buffer, pH 9 - EnVision™ FLEX Wash Buffer (20x); 4 x 1 L, 20x concentrated; Dung dịch Tris-buffered saline chứa Tween 20, pH 7.6 (±0.1). - EnVision™ FLEX+, Mouse (LINKER); 3 x 40 mL, ready-to-use; Dung dịch đệm chứa protein ổn định và chất kháng khuẩn.	Kit	2	
2	Dung dịch pha kháng thể	Thành phần: Đệm Tris, pH 7.2, chứa 15 mmol/L sodium azide và protein	Lọ	20	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3	Kháng thể đa dòng Her2	dạng cô đặc 0,2ml . Được cung cấp ở dạng lỏng khi nuôi cấy tế bào với 0.05 mmol/L Tris/HCL, pH 7.2, và có chứa 15 mmol/L NaN3	Lọ	5	
4	Kháng thể đơn dòng ER (Estrogen Receptor)	EP1 dòng EP1 .dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Lọ	5	
5	Kháng thể đơn dòng Ki67	dòng MIB-1 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Lọ	5	
6	Kháng thể đơn dòng PR	PgR 636 dòng PgR 636 dạng pha sẵn 12ml . Được cung cấp ở dạng lỏng, trong dung dịch ổn định protein và 0.015 mol/L sodium azide.	Lọ	5	
	Tổng 06 danh mục				
VI	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm điện giải model EX-D				
1	Dung dịch chuẩn 1	Thành phần thuốc thử chứa Triethanolamine (< 0.38%); Acetic acid (< 0.12%); chứa các thông số Na; K; Cl tương ứng Nồng độ: Ion Natri: 140 ± 0,8 mmol/L; Ion Kali: 4 ± 0,05 mmol/L; Ion Clorua: 100 ± 1,0 mmol/L	ml	14.100	
2	Dung dịch chuẩn 2	Thành phần thuốc thử chứa Triethanolamine (< 0.38%); Acetic acid (< 0.12%); chứa các thông số Na; K; Cl tương ứng. Nồng độ: Ion Natri: 160 ± 0,8 mmol/L; Ion Kali: 6 ± 0,05 mmol/L; Ion Clorua: 120 ± 1,0 mmol/L	ml	3085	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3	Nước rửa dùng cho máy điện giải	Thành phần Sodium borate (< 1%)	ml	200	
	Tổng 03 danh mục				
VII	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học celtac - G				
1	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để đo Hemoglobin	Thành phần thuốc thử chứa Triethanolamine (< 0.38%); Acetic acid (< 0.12%); chứa các thông số Na; K; Cl tương ứng Nồng độ: Ion Natri: $140 \pm 0,8$ mmol/L; Ion Kali: $4 \pm 0,05$ mmol/L; Ion Clorua: $100 \pm 1,0$ mmol/L	Can	120	
2	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học để bách phân bạch cầu	Thành phần thuốc thử chứa Triethanolamine (< 0.38%); Acetic acid (< 0.12%); chứa các thông số Na; K; Cl tương ứng. Nồng độ: Ion Natri: $160 \pm 0,8$ mmol/L; Ion Kali: $6 \pm 0,05$ mmol/L; Ion Clorua: $120 \pm 1,0$ mmol/L	Can	120	
3	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Thành phần Sodium borate (< 1%)	Can	200	
4	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri hypoclorit	Bộ	15	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Tổng 04 danh mục				
VIII	Hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch Access 2				
1	Định lượng Thyroglobulin	"- Phạm vi phân tích: 0,1–500 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym một bước đồng thời (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin, được huyền phù trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiểm-kháng thể kháng thyroglobulin đơn dòng ở chuột (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò, chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Các kháng thể kháng thyroglobulin đơn dòng ở chuột được liên kết với biotin trong dung dịch đệm HEPES có protein (bò và chuột), < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin "	Test	3900	
	Tổng 01 danh mục				
IX	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm điện giải				
1	Hóa chất điện giải 3 thông số Na/K/Cl	Calibration Packs (Reagent pack) dùng trong quá trình hiệu chuẩn máy khi máy phân tích được bật lên; sau khi thay thế điện cực và dùng cho quá trình kiểm tra mẫu, chạy QC và tự động hiệu chỉnh các hệ số nhằm xác định định lượng natri, kali và clo trong máu. Thành phần bao gồm: Chất chuẩn A: 530ml Chất chuẩn B: 210ml Chất chuẩn C: 220ml Dung dịch tham chiếu: 310ml	Hộp	24	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		Hộp: 1270ml/ Hộp			
X	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số Multistik				
1	Que thử nước tiểu	- Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động .Hộp 100 test	Test	25.000	
	Tổng 01 danh mục				
XI	Dụng cụ y tế				
1	Dây cao tần đơn cực	Dây dao điện (dùng trong mổ nội soi tiết niệu), chiều dài 3m	cái	5	

TT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
2	Dây cao tần đơn cực	Dây dao điện (dùng trong mổ nội soi ổ bụng), chân cắm 4 mm	cái	5	
3	Dây cao tần lưỡng cực	Chân cắm đôi cỡ 4mm, chiều dài 3m .	cái	5	
4	Điện cực phẫu tích và cầm máu	Đầu hình chữ L, vỏ bọc cách điện, có chân cắm đốt điện đơn cực. Cỡ 5mm, dài 36mm.	cái	5	
5	Hàm forceps kẹp và phẫu tích	Phần hàm dụng cụ dài 22mm, hoạt động kép. Cỡ 5mm, chiều dài 36mm.	cái	5	
	Tổng 05 danh mục				
Tổng: 92 danh mục					

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 18/TM-BVUB ngày 20/10/2022)

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang

(Tên đơn vị):

Địa chỉ:

Căn cứ vào thư mời báo giá của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý viện bản báo giá cung cấp vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế sử dụng tại Bệnh viện Ung bướu Bắc Giang như sau:

STT	Tên hàng hóa	Tên Thương mại (nếu có)	Thông số Kỹ thuật	Hãng nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá Có VAT	Thành tiền	Phân nhóm theo TT 14/TT-BYT	Ghi chú
1										
2										
3										
....										
(n)										

Báo giá có hiệu lực:..... Ngày, kể từ ngày báo giá.

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)